

QUYẾT ĐỊNH
Về công nhận kết quả tuyển dụng
viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo năm 2023

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Căn cứ Kế hoạch số 1643/KH-UBND ngày 09 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện về tổ chức tuyển dụng viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn năm 2023;

Căn cứ Công văn số 1768/UBND ngày 17 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn về việc phê duyệt Kế hoạch tuyển dụng viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo năm 2023;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo huyện năm 2023 tại Tờ trình số 157/TTr-HĐTDVC ngày 18 tháng 8 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả tuyển dụng viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo năm 2023 đối với 345 thí sinh; trong đó, có 214 thí sinh trúng tuyển và 131 thí sinh không trúng tuyển (Đính kèm danh sách).

Điều 2. Giao Hội đồng tuyển dụng viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo năm 2023 có trách nhiệm thông báo kết quả tuyển dụng viên chức năm 2023 bằng văn bản đến các thí sinh trúng tuyển.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng Phòng Nội vụ huyện, Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện, Hiệu trưởng các trường học thuộc huyện và các ông, bà có tên trong danh sách đính kèm tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận: /

- Như Điều 3;
- TT.UBND huyện: CT, PCT;
- Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện (Đăng tải trên trang thông tin điện tử);
- Lưu: VT, NV (02b).Th.70



CHỦ TỊCH

Dương Hồng Thắng

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN HỌC MÔN



KẾT QUẢ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN HỌC MÔN NĂM 2023

ĐƠN VỊ: TRƯỜNG THCS ĐỖ VĂN DẪY

(Kèm theo Quyết định số 44/01/QĐ-UBND ngày 24 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

STT	Họ và Tên	Giới tính	Năm sinh	Dân tộc	Trình độ		Chức danh nghề nghiệp	Môn dự thi	Điểm kiểm tra sát hạch			Điểm ưu tiên	Tổng điểm (đã đổi tương đương ưu tiên)	Thước đo ưu tiên	Kết quả
					Chuyên môn	Chuyên ngành			Sát hạch 1	Sát hạch 2	Sát hạch 3				
1	Tăng Thị Yên	Nữ	18/08/2000	Kinh	Đại học	Sư phạm Địa lý	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Địa lý	66.000	61.000	62.000		63.000		Trúng tuyển
2	Đỗ Trọng	Nam	17/01/1998	Kinh	Đại học	Địa lý	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Địa lý							Trúng tuyển
3	Cao Thanh	Nam	10/02/1998	Kinh	Đại học	Giáo dục chính trị	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Địa lý							Không trúng tuyển
4	Dương Hồng	Nữ	10/02/2000	Kinh	Đại học	Nghôn ngữ học	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Ngữ văn	87.000	88.000	90.000		88.333		Trúng tuyển
5	Trần Quốc	Nam	21/04/1997	Kinh	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Ngữ văn	78.000	78.000	79.000		78.333		Trúng tuyển
6	Nguyễn Thị Thái Đào	Nữ	25/08/1983	Kinh	Đại học	Ngữ Văn	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Ngữ văn	65.000	65.000	65.500		65.167		Trúng tuyển
7	Nguyễn Thị Thu Hà	Nữ	15/09/1996	Kinh	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Ngữ văn	41.000	35.000	43.000		39.667		Không trúng tuyển
8	Nguyễn Văn	Nam	09/04/1979	Kinh	Đại học	Sư phạm Sinh - KTN	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Sinh học	39.000	39.000	40.000		39.333		Không trúng tuyển
9	Trần Văn	Nam	01/04/2001	Kinh	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Tiếng Anh	40.000	44.000	41.000		41.667		Không trúng tuyển
10	Phạm Thị	Nữ	07/05/1986	Kinh	Đại học	Nghôn ngữ Anh	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Tiếng Anh	60.000	66.000	62.000		62.667		Trúng tuyển
11	Trần Hằng Bảo	Nữ	21/04/1997	Kinh	Đại học	Sư phạm Toán	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Toán	61.000	58.000	55.000		58.000		Trúng tuyển
12	Đinh Quang	Nam	31/01/1991	Kinh	Đại học	Toán ứng dụng	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Toán	89.000	85.000	89.000		87.667		Trúng tuyển
13	Nguyễn Hoàng Minh	Nam	28/12/1997	Kinh	Đại học	Sư phạm Toán	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Toán	64.000	71.000	71.000		68.667		Không trúng tuyển
Vắng															

* Danh sách trên gồm 13 trường hợp./

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN HỌC MÔN



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN HỌC MÔN NĂM 2023
(Kèm theo Quyết định số 44/QĐ-UBND ngày 24 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện)

STT	Họ và Tên	Giới tính	Năm sinh	Dân tộc	Trình độ		Chức danh nghề nghiệp	Môn dự thi	Điểm kiểm tra sát hạch			Điểm cộng điểm ưu tiên	Tổng điểm (gồm cộng điểm ưu tiên)	Thuộc đối tượng ưu tiên	Kết quả
					Chuyên môn	Chuyên ngành			Sát hạch 1	Sát hạch 2	Sát hạch 3				
1	La Khai Tuấn	Nam	10/02/2000	Hoa	Đại học	Sư phạm Hóa học	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Hóa học	90.000	84.000	91.000	5.000	93.333	Dân tộc thiểu số	Trúng tuyển
2	Nguyễn Thị Tiêng	Nữ	12/02/1992	Kinh	Đại học	Sư phạm Hóa học	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Hóa học	75.000	74.000	74.000		74.333		Không trúng tuyển
3	Đào Thị Khương	Nữ	15/05/1986	Kinh	Đại học	Sư phạm Hóa học	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Hóa học	66.000	63.000	68.000		65.667		Không trúng tuyển
4	Trần Ai Khiêm	Nữ	25/11/1986	Kinh	Đại học	Kế toán	Kế toán		88.000	90.000	93.000		90.333		Trúng tuyển
5	Trần Thị Kim Linh	Nữ	30/03/1997	Kinh	Cao đẳng	Kế toán doanh nghiệp	Kế toán		Vắng						Không trúng tuyển

* Danh sách trên gồm 05 trường hợp.

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN HỌC MÔN



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN HỌC MÔN NĂM 2023
ĐƠN VỊ: TRƯỜNG THCS LÝ CHÍNH THẮNG 1
(Kèm theo Quyết định số 4451/QĐ-UBND ngày 24 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện)

STT	Họ và Tên	Giới tính	Năm sinh	Dân tộc	Trình độ		Chức danh nghề nghiệp	Môn dự thi	Điểm kiểm tra sát hạch			Điểm ưu tiên	Tổng điểm (đã cộng điểm ưu tiên)	Thuộc đối tượng ưu tiên	Kết quả
					Chuyên môn	Chuyên ngành			Sát hạch 1	Sát hạch 2	Sát hạch 3				
1	Lê Ngọc Chi	Nữ	10/10/1991	Kinh	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Tiếng Anh	93.000	92.000	93.000	5.000	97.667	Con thương binh; con người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	Trúng tuyển
2	Lê Đăng Hoàng Diệp	Nữ	17/09/1991	Kinh	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Tiếng Anh	87.000	88.000	84.000		86.333		Trúng tuyển

* Danh sách trên gồm 02 trường hợp! *HC*

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN HỌC MÔN



KẾT QUẢ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN HỌC MÔN NĂM 2023
ĐƠN VỊ: TRƯỜNG THCS NGUYỄN AN KHUÔNG
(Kèm theo Quyết định số 44/QĐ-UBND ngày 8 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

STT	Họ và Tên	Giới tính	Năm sinh	Dân tộc	Trình độ		Chức danh nghề nghiệp	Môn dự thi	Điểm kiểm tra sát hạch			Điểm ưu tiên	Tổng điểm (đã cộng điểm ưu tiên)	Thuộc đối tượng ưu tiên	Kết quả
					Chuyên môn	Chuyên ngành			Sát hạch 1	Sát hạch 2	Sát hạch 3				
1	Lê Thị Việt Hà	Nữ	28/02/1998	Kinh	Thạc sĩ	Hóa hữu cơ; Cử nhân Sư phạm Hóa học	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Hóa học	94.000	95.000	95.000		94.667		Trúng tuyển
2	Trần Tấn Phát	Nam	14/03/1997	Kinh	Đại học	Sư phạm Hóa học	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Hóa học	61.000	66.000	64.000		63.667		Không trúng tuyển
3	Nguyễn Thị Hoa	Nữ	13/03/1996	Kinh	Đại học	Sư phạm Hóa học	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Hóa học	Vắng						Không trúng tuyển
4	Nguyễn Văn Nguyễn	Nam	20/07/1995	Kinh	Đại học	Sư phạm Hóa học	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Hóa học	Vắng						Không trúng tuyển
5	Nguyễn Tuấn Cường	Nam	10/07/1999	Kinh	Đại học	Giáo dục thể chất	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Thể dục	87.000	92.000	92.000		90.333		Trúng tuyển
6	Nguyễn Duy Hải	Nam	01/12/1993	Kinh	Thạc sĩ	Quang học (Vật lý); Cử nhân Sư phạm Vật lý	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Vật lý	46.000	48.000	46.000		46.667		Không trúng tuyển
7	Lý Nhật Hoàng	Nam	24/11/1994	Kinh	Đại học	Ngôn ngữ Anh; Cao đẳng Sư phạm Tiếng Anh	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Tiếng Anh	94.000	94.000	95.000		94.333		Trúng tuyển
8	Lê Thị Ngọc Tâm	Nữ	19/11/1985	Kinh	Trung cấp	Y sĩ	Nhân viên Y tế	Nhân viên Y tế	98.000	98.000	98.000		98.000		Trúng tuyển
9	Nguyễn Thị Bích Thuỷ	Nữ	10/03/1990	Kinh	Trung cấp	Y sĩ	Nhân viên Y tế	Nhân viên Y tế	93.000	90.000	90.000		91.000		Không trúng tuyển
10	Phan Thị Phương	Nữ	01/01/1985	Kinh	Đại học	Thư viện - Thông tin học	Nhân viên Thư viện	Nhân viên Thư viện	45.000	49.000	48.000		47.333		Không trúng tuyển

* Danh sách trên gồm 10 trường hợp.
(Signature)



ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN HỌC MÔN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN HỌC MÔN NĂM 2023
ĐƠN VỊ: TRƯỜNG THCS NGUYỄN HỒNG ĐÀO
(Kèm theo Quyết định số 44/QĐ-UBND ngày 8/4 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện)

STT	Họ và Tên	Giới tính	Năm sinh	Dân tộc	Trình độ		Chức danh nghề nghiệp	Môn dự thi	Điểm kiểm tra sát hạch			Điểm ưu tiên	Tổng điểm (đã cộng điểm ưu tiên)	Thuộc đối tượng ưu tiên	Kết quả	
					Chuyên môn	Chuyên ngành			Sát hạch 1	Sát hạch 2	Sát hạch 3					
1	Lê Thị Hồng	Phúc	Nữ	01/03/1990	Kinh	Đại học	Giáo dục chính trị	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Giáo dục công dân	89.000	90.000	88.000		89.000		Trúng tuyển

* Danh sách trên gồm 01 trường hợp. *HL*

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN HỌC MÔN



KẾT QUẢ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN HỌC MÔN NĂM 2023

ĐƠN VỊ: TRƯỜNG THCS TAM ĐỒNG I

(Kèm theo Quyết định số 4401/QĐ-UBND ngày 24 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

STT	Họ và Tên	Giới tính	Năm sinh	Dân tộc	Trình độ		Chức danh nghề nghiệp	Môn dự thi	Điểm kiểm tra sát hạch			Điểm ưu tiên	Tổng điểm (gồm điểm ưu tiên)	Thuộc đối tượng ưu tiên	Kết quả
					Chuyên môn	Chuyên ngành			Sát hạch 1	Sát hạch 2	Sát hạch 3				
1	Nguyễn Thị Mai	Nữ	27/12/1997	Kinh	Đại học	Sư phạm Toán	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Toán	84.000	83.000	79.000		82.000		Trúng tuyển
2	Nguyễn Thị Huyền	Nữ	28/10/1980	Kinh	Đại học	Sư phạm Toán	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Toán	80.000	82.000	83.000		81.667		Không trúng tuyển
3	Phạm Thị Hương	Nữ	03/10/1992	Kinh	Đại học	Sư phạm Toán	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Toán	74.000	81.000	75.000		76.667		Không trúng tuyển
4	Cao Hồng Trung	Nam	20/02/1984	Kinh	Trung cấp	Y sĩ	Nhân viên Y tế	Nhân viên Y tế	90.000	93.000	95.000		92.667		Trúng tuyển

* Danh sách trên gồm 04 trường hợp. *HS*

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN HỌC MÔN



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN HỌC MÔN NĂM 2023
ĐƠN VỊ: TRƯỜNG THCS THỊ TRẤN
(Kèm theo Quyết định số 444/QĐ-UBND ngày 24 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện)

STT	Họ và Tên	Giới tính	Năm sinh	Dân tộc	Trình độ		Chức danh nghề nghiệp	Môn dự thi	Điểm kiểm tra sát hạch			Điểm ưu tiên	Tổng điểm (đã cộng điểm ưu tiên)	Thuộc đối tượng ưu tiên	Kết quả
					Chuyên môn	Chuyên ngành			Sát hạch 1	Sát hạch 2	Sát hạch 3				
1	Tô Uyên	Nữ	18/06/1980	Kinh	Đại học	Kế toán	Nhân viên Kế toán	Nhân viên Kế toán	91.000	91.000	91.000		91.000		Trúng tuyển
2	Nguyễn Thị Tho	Nữ	01/02/1983	Kinh	Cao Đẳng	Kế toán	Nhân viên Kế toán	Nhân viên Kế toán	Vắng			Vắng			Không trúng tuyển
3	Bùi Thị Hiền	Nữ	11/12/1994	Kinh	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	Nhân viên Kế toán	Nhân viên Kế toán	Vắng			Vắng			Không trúng tuyển

* Danh sách trên gồm 03 trường hợp.

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN HỌC MÔN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN HỌC MÔN NĂM 2023
ĐƠN VỊ: TRƯỜNG THCS TÔ KÝ

(Kèm theo Quyết định số 4404/QĐ-UBND ngày 24 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện)

STT	Họ và Tên	Giới tính	Năm sinh	Dân tộc	Trình độ		Chức danh nghề nghiệp	Môn dự thi	Điểm kiểm tra sát hạch			Điểm ưu tiên	Tổng điểm (đã cộng điểm ưu tiên)	Thuộc đối tượng ưu tiên	Kết quả
					Chuyên môn	Chuyên ngành			Sát hạch 1	Sát hạch 2	Sát hạch 3				
1	Vu Thị Ngọc	Nữ	17/10/1998	Kinh	Bại học	Sư phạm Địa lý	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Địa lý	82.000	81.000	82.000		81.667		Trúng tuyển
2	Lê Thị Ánh	Nữ	27/08/1996	Kinh	Bại học	Sư phạm Lịch sử	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Lịch Sử	92.000	91.000	92.000		91.667		Trúng tuyển
3	Nguyễn Thị Huệ	Nữ	28/07/2000	Kinh	Bại học	Sư phạm Sinh học	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Sinh học	70.000	70.000	71.000		70.333		Trúng tuyển
4	Bach Nguyễn Huyền	Nữ	01/08/2001	Kinh	Bại học	Sư phạm Sinh học	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Sinh học	Vắng						Không trúng tuyển
5	Nguyễn Chánh	Nam	09/11/2000	Kinh	Bại học	Giáo dục thể chất	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Thể dục	78.000	80.000	81.000		79.667		Trúng tuyển
6	Vũ Thị	Nữ	21/01/1993	Kinh	Bại học	Sư phạm Toán học	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Toán	79.000	77.000	78.000		78.000		Trúng tuyển
7	Nguyễn Thanh	Nam	16/06/1989	Kinh	Thạc sĩ	Toán giải tích; Cử nhân Sư phạm Toán	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Toán	42.000	42.000	41.000		41.667		Không trúng tuyển
8	Đặng Thị Thục	Nữ	29/12/2000	Kinh	Bại học	Sư phạm Toán học	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Toán	Vắng						Không trúng tuyển
9	Trần Thị	Nữ	02/11/1983	Kinh	Bại học	Vật lý học; Cao đẳng Sư phạm Vật lý	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Vật lý	80.000	79.000	82.000		80.333		Trúng tuyển

* Danh sách trên gồm 09 trường hợp.



KẾT QUẢ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN HỌC MÔN NĂM 2023
ĐƠN VỊ: TRƯỜNG THCS TRUNG MỸ TÂY 1
(Kèm theo Quyết định số 4401/QĐ-UBND ngày 24 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện)

STT	Họ và Tên	Giới tính	Năm sinh	Dân tộc	Trình độ		Chức danh nghề nghiệp	Môn dự thi	Điểm kiểm tra sát hạch			Điểm ưu tiên	Tổng điểm (đã cộng điểm ưu tiên)	Thuộc đối tượng ưu tiên	Kết quả
					Chuyên môn	Chuyên ngành			Sát hạch 1	Sát hạch 2	Sát hạch 3				
1	Đoàn Thị Bảo	Nữ	11/03/1999	Kinh	Đại học	Sư phạm Địa lý	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Địa lý	71.000	72.000	71.300		71.433		Trúng tuyển
2	Nguyễn Ngọc Hoàng	Nữ	12/01/1998	Kinh	Đại học	Giáo dục chính trị	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Giáo dục công dân	85.000	85.000	82.750		84.250		Trúng tuyển
3	Nguyễn Thị Trúc	Nữ	15/02/1992	Kinh	Đại học	Sư phạm kỹ thuật Nông nghiệp	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Kỹ thuật nông nghiệp	Vắng						Không trúng tuyển
4	Nguyễn Thị Hồng	Nữ	15/09/1999	Kinh	Đại học	Sư phạm Lịch sử	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Lịch sử	Vắng						Không trúng tuyển
5	Trương Thị Huyền	Nữ	24/01/1996	Kinh	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Ngữ văn	78.000	80.000	79.000		79.000		Trúng tuyển
6	Trần Thị	Nữ	28/04/1984	Kinh	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Ngữ văn	77.000	78.000	77.000		77.333		Trúng tuyển
7	Đặng Quỳnh	Nữ	03/09/1991	Kinh	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Ngữ văn	71.000	72.000	72.000		71.667		Trúng tuyển
8	Đinh Thị Hoài	Nữ	18/10/1996	Kinh	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Ngữ văn	57.000	54.000	56.000		55.667		Không trúng tuyển
9	Nguyễn Vũ Yên	Nữ	07/12/1999	Kinh	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Ngữ văn	50.000	52.000	50.000		50.667		Không trúng tuyển
10	Đặng Thị	Nữ	15/03/1988	Kinh	Đại học	Cử nhân Văn học	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Ngữ văn	Vắng						Không trúng tuyển
11	Trần Thị Thanh	Nữ	28/05/1988	Kinh	Đại học	Kế toán - Kiểm toán	Nhân viên Thủ quỹ		53.000	53.000	50.000		52.000		Trúng tuyển
12	Trần Lam	Nữ	15/01/1997	Kinh	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	Nhân viên Thủ quỹ		48.000	48.000	48.000		48.000		Không trúng tuyển
13	Nguyễn Trương	Nam	06/06/1980	Kinh	Đại học	Kế toán	Nhân viên Thủ quỹ		Vắng						Không trúng tuyển



KẾT QUẢ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN HỌC MÔN NĂM 2023
ĐƠN VỊ: TRUNG TÂM GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP - GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN
(Kèm theo Quyết định số 4404/QĐ-UBND ngày 24 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện)

STT	Họ và Tên	Giới tính	Năm sinh	Dân tộc	Trình độ		Chức danh nghề nghiệp	Môn dự thi	Điểm kiểm tra sát hạch			Điểm ưu tiên cộng điểm ưu tiên	Tổng điểm (đã tương đương ưu tiên)	Thuộc đối tượng ưu tiên	Kết quả
					Chuyên môn	Chuyên ngành			Sát hạch 1	Sát hạch 2	Sát hạch 3				
1	Hoàng Thị Huyền	Nữ	03/02/1980	Kinh	Đại học	Lịch sử	Giáo viên THPT hạng III	Giáo viên Lịch sử	72.000	78.000	83.500		77.833		Trung tuyển
3	Nguyễn Châu Bình	Nữ	04/10/1998	Kinh	Đại học	Địa lý	Giáo viên THPT hạng III	Giáo viên Địa lý	85.000	85.000	85.000		85.000		Trung tuyển
2	Niê Y Bích	Nam	12/03/2000	Ê đê	Đại học	Sư phạm Địa lý	Giáo viên THPT hạng III	Giáo viên Địa lý	Vắng			Vắng			Không trúng tuyển
4	Ngô Thị Thảo Phương	Nữ	25/02/1988	Kinh	Đại học	Ngữ văn Anh	Giáo viên THPT hạng III	Giáo viên Tiếng Anh	Vắng			Vắng			Không trúng tuyển

* Danh sách trên gồm 04 trường hợp!.

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN HỌC MÔN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ TUYỂN DỤNG VIỆN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN HỌC MÔN NĂM 2023
ĐƠN VỊ: TRƯỜNG THCS BỬU VÂN THỦ
(Kèm theo Quyết định số 4404/QĐ-UBND ngày 24 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện)

STT	Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Trình độ		Chức danh nghề nghiệp	Môn dự thi	Điểm kiểm tra sát hạch			Điểm ưu tiên	Tổng điểm (đã cộng điểm ưu tiên)	Thuộc đối tượng ưu tiên	Kết quả
						Chuyên môn	Chuyên ngành			Sát hạch 1	Sát hạch 2	Sát hạch 3				
1	Hoàng Quang	Ty	Nam	09/03/1989	Kinh	Đại học	Sư phạm Âm nhạc	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Âm nhạc	60.000	60.000	60.000	5.000	65.000	Con thương binh	Trúng tuyển
2	Bùi Xuân	Lai	Nam	30/01/1988	Mường	Đại học	Sư phạm Âm nhạc	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Âm nhạc	Vắng						Không trúng tuyển
3	Vũ Triệu	Ngọc	Nữ	14/12/1976	Kinh	Đại học	Sư phạm Địa lý	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Địa lý	97.000	95.000	95.000		95.667		Trúng tuyển
4	Nguyễn Trọng	Hàn	Nam	12/10/1994	Kinh	Đại học	Giáo dục chính trị	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Giáo dục công dân	45.000	46.000	45.000		45.333		Không trúng tuyển
5	Trần Thị Diệu	Lan	Nữ	26/10/1991	Kinh	Thạc sĩ	Hóa vô cơ; Cử nhân Sư phạm Hóa học	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Hóa học	92.000	91.000	89.000		90.667		Trúng tuyển
6	Nguyễn Thị	Dung	Nữ	07/01/1997	Kinh	Đại học	Sư phạm Hóa học	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Hóa học	82.000	84.000	84.000		83.333		Không trúng tuyển
7	Trần Thị Bé	Thanh	Nữ	04/01/1997	Kinh	Đại học	Sư phạm Hóa học	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Hóa học	80.000	79.000	81.000		80.000		Không trúng tuyển
8	Đoàn Duy	Quang	Nam	10/11/1994	Kinh	Đại học	Sư phạm Hóa học	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Hóa học	77.000	80.000	79.000		78.667		Không trúng tuyển
9	Lý Kim	Yến	Nữ	09/11/2000	Kinh	Đại học	Sư phạm Hóa học	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Hóa học	73.000	68.000	73.000		71.333		Không trúng tuyển
10	Đỗ Thị Thu	Hà	Nữ	08/01/1990	Kinh	Đại học	Sư phạm Hóa học	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Hóa học	72.000	71.000	69.000		70.667		Không trúng tuyển
11	Nguyễn Minh	Tiến	Nam	01/06/2000	Kinh	Đại học	Sư phạm Hóa học	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Hóa học	67.000	64.000	66.000		65.667		Không trúng tuyển
12	Lê Thị	Huê	Nữ	12/07/1997	Kinh	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Ngữ văn	85.000	88.500	84.000		85.833		Trúng tuyển
13	Phan Thị Mông	Cầm	Nữ	07/07/1987	Kinh	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Ngữ văn	Vắng						Không trúng tuyển
14	Bùi Thị Minh	Trinh	Nữ	06/07/2000	Kinh	Đại học	Sư phạm Sinh học	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Sinh học	77.000	74.000	77.500		76.167		Trúng tuyển

STT	Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Trình độ		Chức danh nghề nghiệp	Môn dự thi	Điểm kiểm tra sát hạch			Điểm ưu tiên	Tổng điểm (đã cộng điểm ưu tiên)	Thuộc đối tượng ưu tiên	Kết quả
						Chuyên môn	Chuyên ngành			Sát hạch 1	Sát hạch 2	Sát hạch 3				
15	Nguyễn Thị Ánh	Hương	Nữ	04/07/1991	Kinh	Đại học	Cử nhân Sinh học	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Sinh học	Vắng				49.000		Không trúng tuyển
16	Vũ Trần Hoàng Nhật	Tiến	Nam	10/08/1998	Kinh	Đại học	Giáo dục thể chất	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Thể dục	49.000	50.000	48.000		49.000		Không trúng tuyển

* Danh sách trên gồm 16 trường hợp.



ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN HỌC MÔN



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ TUYỂN DỤNG

ĐƠN VỊ: TRƯỜNG THCS ĐẶNG CÔNG BÌNH
(Kèm theo Quyết định số 44/QT-UBND ngày 24 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện)

STT	Họ và Tên	Giới tính	Năm sinh	Dân tộc	Trình độ		Chức danh nghề nghiệp	Môn dự thi	Điểm kiểm tra sát hạch			Điểm ưu tiên	Tổng điểm (đa cộng điểm ưu tiên)	Thuộc đối tượng ưu tiên	Kết quả
					Chuyên môn	Chuyên ngành			Sát hạch 1	Sát hạch 2	Sát hạch 3				
1	Nguyễn Tấn	Nam	06/08/1999	Kinh	Dại học	Giáo dục thể chất	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Thể dục	83.000	83.000	83.000		83.000		Trúng tuyển
2	Trần Tuấn	Nam	16/07/1989	Kinh	Dại học	Ngôn ngữ Anh; Cao đẳng Sư phạm Anh văn	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Tiếng Anh	81.000	83.000	83.000		82.333		Trúng tuyển
3	Trần Thị	Nữ	15/08/1993	Kinh	Dại học	Sư phạm Tiếng Anh	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Tiếng Anh	74.000	75.000	75.000		74.667		Trúng tuyển
4	Nguyễn Diệu	Nữ	19/12/2001	Kinh	Dại học	Sư phạm Tiếng Anh	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Tiếng Anh	Vắng						Không trúng tuyển
5	Lê Đăng	Nam	02/08/1994	Kinh	Dại học	Sư phạm Toán	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Toán	78.000	78.000	76.000		77.333		Trúng tuyển
6	Lê Hải	Nữ	04/11/1995	Kinh	Dại học	Sư phạm Toán	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Toán	83.000	75.000	74.000		77.333		Trúng tuyển
7	Từ Hữu	Nam	15/02/1998	Hoa	Dại học	Sư phạm Toán	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Toán	69.000	71.000	72.000	5.000	75.667	Dân tộc thiểu số	Trúng tuyển
8	Đỗ Mạnh	Nam	05/12/1987	Kinh	Dại học	Sư phạm Toán	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Toán	69.000	69.000	61.000		66.333		Không trúng tuyển
9	Nguyễn Thị Tuyết	Nữ	30/08/1991	Kinh	Dại học	Sư phạm Toán	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Toán	67.000	64.000	57.000		62.667		Không trúng tuyển
10	Từ Thị Thùy	Nữ	20/06/1998	Kinh	Dại học	Sư phạm Toán	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Toán	Vắng						Không trúng tuyển
11	Hà Thị	Nữ	18/02/1990	Kinh	Dại học	Sư phạm Toán	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Toán	Vắng						Không trúng tuyển
12	Nguyễn Thanh	Nam	03/02/1998	Kinh	Dại học	Sư phạm Vật lý	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Vật lý	85.000	85.000	90.000		86.667		Trúng tuyển
13	Nguyễn Trí	Nam	19/04/1998	Kinh	Dại học	Sư phạm Vật lý	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Vật lý	84.000	86.000	84.000		84.667		Trúng tuyển

STT	Họ và Tên	Giới tính	Năm sinh	Dân tộc	Trình độ		Chức danh nghề nghiệp	Môn dự thi	Điểm kiểm tra sát hạch			Điểm ưu tiên	Tổng điểm (đã cộng điểm ưu tiên)	Thuộc đối tượng ưu tiên	Kết quả
					Chuyên môn	Chuyên ngành			Sát hạch 1	Sát hạch 2	Sát hạch 3				
14	Nguyễn Thị Bích	Nữ	29/08/1996	Kinh	Bại học	Sư phạm Vật lý	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Vật lý	75.000	78.000	74.000		75.667		Không trúng tuyển
15	Lê Minh	Nam	01/01/1990	Kinh	Bại học	Sư phạm Vật lý	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Vật lý	69.000	72.000	69.000		70.000		Không trúng tuyển

* Danh sách trên gồm 15 trường hợp.





KẾT QUẢ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN HỌC MÔN NĂM 2023

ĐƠN VỊ: TRƯỜNG THCS ĐẶNG THỨC VĨNH

(Kèm theo Quyết định số 441/QĐ-UBND ngày 24 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện)

STT	Họ và Tên	Giới tính	Năm sinh	Dân tộc	Trình độ		Chức danh nghề nghiệp	Môn dự thi	Điểm kiểm tra sát hạch			Điểm cộng điểm ưu tiên	Tổng điểm (đã cộng điểm ưu tiên)	Thuộc đối tượng ưu tiên	Kết quả
					Chuyên môn	Chuyên ngành			Sát hạch 1	Sát hạch 2	Sát hạch 3				
1	Vu Thị Thanh	Nữ	25/05/1996	Kinh	Đại học	Sư phạm Địa lý	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Địa lý	66.000	69.000	67.000		67.333		Trúng tuyển
2	Nguyễn Thị Thu	Nữ	27/02/2000	Kinh	Đại học	Sư phạm Địa lý	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Địa lý	62.000	66.000	65.000		64.333		Trúng tuyển
3	Nguyễn Thị Trường	Nữ	19/01/1997	Kinh	Đại học	Sư phạm Địa lý	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Địa lý							Trúng tuyển
4	Trần Thị Trúc	Nữ	16/05/1997	Kinh	Đại học	Sư phạm Hóa học	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Hóa học	90.000	89.000	90.000		89.667		Trúng tuyển
5	Nguyễn Thị Thanh	Nữ	15/01/1997	Kinh	Thạc sĩ	Hóa lý thuyết và Hóa lý; Sư phạm Hóa học	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Hóa học	64.000	66.000	66.000		65.333		Không trúng tuyển
6	Trương Ngọc Hoàng	Nữ	23/12/1998	Kinh	Đại học	Sư phạm Hóa học	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Hóa học	59.000	59.000	60.000		59.333		Không trúng tuyển
7	Nguyễn Thị Minh	Nữ	19/06/1997	Kinh	Đại học	Ngữ văn	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Ngữ văn	84.000	88.000	87.000		86.333		Trúng tuyển
8	Lê Thị	Nữ	01/02/1987	Kinh	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Ngữ văn	83.000	85.000	84.000		84.000		Trúng tuyển
9	Trịnh Thị Thủy	Nữ	16/06/2000	Kinh	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Ngữ văn	82.000	82.000	83.000		82.333		Trúng tuyển
10	Võ Thị Thủy	Nữ	03/02/1994	Kinh	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Ngữ văn	70.000	69.000	67.000		68.667		Trúng tuyển
11	Đào Thị	Nữ	02/02/1988	Kinh	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Ngữ văn	65.000	62.000	63.000	5.000	68.333	Con bệnh binh	Trúng tuyển
12	Bùi Việt	Nam	27/09/1996	Kinh	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Ngữ văn	67.000	63.000	63.000		64.333		Không trúng tuyển
13	Lê Huỳnh	Nữ	06/06/1999	Kinh	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Ngữ văn	58.000	58.000	57.000		57.667		Không trúng tuyển
14	Lưu Xuân	Nam	15/06/1984	Kinh	Đại học	Ngữ Văn	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Ngữ văn							Không trúng tuyển

Vắng

2															
STT	Họ và Tên	Giới tính	Năm sinh	Dân tộc	Trình độ		Chức danh nghề nghiệp	Môn dự thi	Điểm kiểm tra sát hạch			Điểm ưu tiên	Tổng điểm (đã cộng điểm ưu tiên)	Thuộc đối tượng ưu tiên	Kết quả
					Chuyên môn	Chuyên ngành			Sát hạch 1	Sát hạch 2	Sát hạch 3				
15	Nguyễn Thị Thom	Nữ	02/02/1980	Kinh	Đại học	Văn học	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Ngữ văn	94.000	94.000	94.000		94.000		Không trúng tuyển
16	Trần Thị Thu Hà	Nữ	10/07/1999	Kinh	Đại học	Sư phạm Sinh học	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Sinh học	90.000	89.000	88.000		89.000		Trúng tuyển
17	Hoàng Nhật Thắng	Nam	14/04/1997	Kinh	Đại học	Sư phạm Sinh học	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Sinh học	69.000	70.000	68.000		69.000		Không trúng tuyển
18	Nguyễn Thị Thuý Ân	Nữ	16/05/1997	Kinh	Đại học	Sư phạm Sinh học	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Sinh học	97.000	98.000	99.000		98.000		Trúng tuyển
19	Lý Trọng Nhân	Nam	21/10/1989	Kinh	Đại học	Ngữ văn Anh	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Tiếng Anh	91.000	91.000	92.000		91.333		Trúng tuyển
20	Nguyễn Hoàng Nhân	Nam	10/10/1990	Kinh	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Tiếng Anh	86.000	84.000	89.000		86.333		Trúng tuyển
21	Nguyễn Thị Nga	Nữ	12/03/1998	Kinh	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Tiếng Anh	90.000	88.000	85.000		87.667		Trúng tuyển
22	Trần Thuý Tiên	Nữ	15/11/1998	Kinh	Trung cấp	Y sĩ	Nhân viên Y tế		85.000	84.000	80.000		83.000		Không trúng tuyển
23	Lê Thị Hải	Nữ	20/01/1984	Kinh	Trung cấp	Y sĩ	Nhân viên Y tế								Không trúng tuyển

* Danh sách mẫu số: 33

* Danh sách trên gồm 23 trường hợp.





KẾT QUẢ TUYỂN DỤNG CÔNG NHÂN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN HÓC MÔN NĂM 2023
ĐƠN VỊ: TRƯỜNG THCS NGUYỄN VĂN BỬA
(Kèm theo Quyết định số 4401/QĐ-UBND ngày 24 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện)

STT	Họ và Tên	Giới tính	Năm sinh	Dân tộc	Trình độ		Chức danh nghề nghiệp	Môn dự thi	Điểm kiểm tra sát hạch			Điểm cộng điểm ưu tiên	Tổng điểm (đã cộng điểm ưu tiên)	Thuộc đối tượng ưu tiên	Kết quả
					Chuyên môn	Chuyên ngành			Sát hạch 1	Sát hạch 2	Sát hạch 3				
1	Phạm Thị Mỹ	Nữ	22/10/1997	Kinh	Đại học	Sư phạm Công nghệ	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Kỹ thuật nông nghiệp	80.000	83.000	82.000		81.667		Trúng tuyển
2	Nguyễn Thị	Nữ	05/01/1988	Kinh	Đại học	Ngữ Văn	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Ngữ văn	74.000	71.000	71.000		72.000		Trúng tuyển
3	Nguyễn Thị Hà	Nữ	10/05/1997	Kinh	Thạc sĩ	Ngôn ngữ học; Cử nhân Sư phạm Ngữ văn	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Ngữ văn	Vắng						Không trúng tuyển
4	Trần Như	Nữ	06/01/1997	Kinh	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Ngữ văn	Vắng						Không trúng tuyển
5	Nguyễn Văn	Nam	25/09/1997	Kinh	Đại học	Giáo dục thể chất	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Thể dục	84.000	83.500	83.500		83.667		Trúng tuyển
6	Trương Thị Quỳnh	Nữ	19/08/1994	Kinh	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Tiếng Anh	86.000	90.000	90.000		88.667		Trúng tuyển
7	Phạm Thị	Nữ	02/5/1990	Kinh	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Tiếng Anh	81.000	83.000	82.000		82.000		Trúng tuyển
8	Phạm Thị Quỳnh	Nữ	15/04/1983	Kinh	Đại học	Công nghệ thông tin	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Tin học	78.000	78.000	78.000		78.000		Trúng tuyển

STT	Họ và Tên	Giới tính	Năm sinh	Dân tộc	Trình độ		Chức danh nghề nghiệp	Môn dự thi	Điểm kiểm tra sát hạch			Điểm ưu tiên	Tổng điểm (đã cộng điểm ưu tiên)	Thuộc đối tượng ưu tiên	Kết quả
					Chuyên môn	Chuyên ngành			Sát hạch 1	Sát hạch 2	Sát hạch 3				
9	Trần Thị Thu	Nữ	12/06/1998	Kinh	Cử nhân	Sư phạm Toán học	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Toán	93.000	93.000	93.000		93.000		Trúng tuyển
10	Vũ Thị Cẩm Vân	Nữ	17/07/1997	Kinh	Đại học	Sư phạm Toán học	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Toán	74.000	73.000	73.000		73.333		Trúng tuyển
11	Võ Xum Linh	Nam	15/05/1994	Kinh	Đại học	Sư phạm Toán học	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Toán	62.000	63.000	63.000		62.667		Không trúng tuyển
12	Nguyễn Hữu Thọ	Nam	02/05/1994	Kinh	Đại học	Sư phạm Toán học	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Toán	Vắng						Không trúng tuyển
13	Nguyễn Ngọc Hân	Nữ	29/08/1999	Kinh	Đại học	Sư phạm Vật lý	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Vật lý	95.000	95.000	95.000		95.000		Trúng tuyển
14	Đỗ Thị Ngọc Ánh	Nữ	02/04/1995	Kinh	Đại học	Sư phạm Vật lý	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Vật lý	82.000	85.000	83.000		83.333		Không trúng tuyển
15	Trịnh Văn Thăng	Nam	08/10/1978	Kinh	Đại học	Công tác xã hội	Nhân viên hỗ trợ Giáo dục khuyết tật	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	78.000	78.000	78.000		78.000		Trúng tuyển

* Danh sách trên gồm 15 trường hợp.

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN HỌC MÔN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



KẾT QUẢ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN HỌC MÔN NĂM 2023
ĐƠN VỊ: TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HỒN
(Kèm theo Quyết định số 44/01/QĐ-UBND ngày 24 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện)

STT	Họ và Tên	Giới tính	Năm sinh	Dân tộc	Trình độ		Chức danh nghề nghiệp	Môn dự thi	Điểm kiểm tra sát hạch			Điểm ưu tiên	Tổng điểm (đã cộng điểm ưu tiên)	Thuộc đối tượng ưu tiên	Kết quả
					Chuyên môn	Chuyên ngành			Sát hạch 1	Sát hạch 2	Sát hạch 3				
1	Huỳnh Trương Thu	Nữ	21/07/2021	Kinh	Đại học	Sư phạm Địa lý	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Địa lý	66.000	66.000	66.000		66.000		Trúng tuyển
2	Ngô Văn	Nam	30/05/2000	Kinh	Đại học	Sư phạm Lịch sử	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Lịch Sử	90.000	90.000	90.000		90.000		Trúng tuyển
3	Rơ Ô H'	Nữ	30/05/1995	Jrai	Đại học	Sư phạm Lịch sử	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Lịch sử	44.000	44.000	44.000		44.000		Không trúng tuyển
4	Phạm Ngọc Trúc	Nữ	05/09/1999	Kinh	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Ngữ văn	80.000	80.000	80.000		80.000		Trúng tuyển
5	Trương Thị Kim	Nữ	18/05/1997	Kinh	Đại học	Văn học	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Ngữ văn	Vắng						Không trúng tuyển
6	Phùng Thị	Nữ	08/11/2000	Kinh	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Tiếng Anh	75.000	75.000	75.000		75.000		Trúng tuyển
7	Trần Thị	Nữ	01/03/1987	Kinh	Đại học	Ngữ văn Anh	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Tiếng Anh	48.000	48.000	48.000		48.000		Không trúng tuyển
8	Lục Thị Như	Nữ	15/01/1997	Kinh	Đại học	Sư phạm Toán	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Toán	83.000	83.000	83.000		83.000		Trúng tuyển
9	Trần Văn	Nam	20/02/1991	Kinh	Đại học	Sư phạm Toán	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Toán	69.000	70.000	70.000		69.667		Không trúng tuyển
10	Đỗ Thị Thanh	Nữ	18/02/1996	Kinh	Thạc sĩ	Đại số và lý thuyết số; Cơ nhân sư phạm Toán	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Toán	57.000	57.000	57.000		57.000		Không trúng tuyển
11	Đào Trường	Nam	09/11/1987	Kinh	Đại học	Sư phạm Toán	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Toán	56.000	57.000	57.000		56.667		Không trúng tuyển
12	Hoàng Thị Tuyết	Nữ	29/04/1997	Kinh	Đại học	Toán ứng dụng	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Toán	42.000	42.000	42.000		42.000		Không trúng tuyển

STT	Họ và tên	Tên	Giới tính	Năm sinh	Dân tộc	Trình độ		Chức danh nghề nghiệp	Môn dự thi	Điểm kiểm tra sát hạch			Điểm ưu tiên	Tổng điểm (đã cộng điểm ưu tiên)	Thuộc đối tượng ưu tiên	Kết quả
						Chuyên môn	Chuyên ngành			Sát hạch 1	Sát hạch 2	Sát hạch 3				
13	Nguyễn Thị	Mai	Nữ	18/01/1998	Kinh	Đại học	Sư phạm Toán	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Toán	39.000	39.000	39.000		39.000		Không trúng tuyển
14	Lương Ngọc	Quỳnh	Nam	21/07/1984	Kinh	Đại học	Sư phạm Toán	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Toán	Vắng						Không trúng tuyển
15	Nguyễn Ngọc Phương	Thanh	Nữ	27/12/1992	Kinh	Thạc sĩ	Vật lý lý thuyết và vật lý toán; Cử nhân Sư phạm Vật lý	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Vật lý	42.000	42.000	42.000		42.000		Không trúng tuyển
16	Nguyễn Thị	Yến	Nữ	10/06/1991	Kinh	Đại học	Sư phạm Vật lý	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Vật lý	Vắng						Không trúng tuyển
17	Trương Thanh	Hương	Nữ	04/12/1999	Kinh	Đại học	Sư phạm Vật lý	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Vật lý	Vắng						Không trúng tuyển
18	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	Nữ	20/04/1973	Kinh	Trung cấp	Y sĩ	Nhân viên Y tế	Nhân viên Y tế	98.000	98.000	98.000		98.000		Trúng tuyển
19	Trần Minh	Thạch	Nam	07/10/1985	Kinh	Trung cấp	Y sĩ	Nhân viên Y tế	Nhân viên Y tế	95.000	94.000	93.000	2.500	96.500	Bộ đội xuất ngũ	Không trúng tuyển
20	Nguyễn Thị Hà	Chi	Nữ	20/11/1994	Kinh	Trung cấp	Y sĩ đa khoa	Nhân viên Y tế	Nhân viên Y tế	87.000	87.000	87.000		87.000		Không trúng tuyển
21	Phạm Xuân	Hiền	Nam	02/01/1972	Kinh	Trung cấp	Y sĩ y học cổ truyền	Nhân viên Y tế	Nhân viên Y tế	Vắng						Không trúng tuyển
22	Nguyễn Kiều Thuý	Phi	Nữ	23/09/1983	Kinh	Đại học	Đông Nam Á (Du lịch); Chứng chỉ nghiệp vụ thông tin - Thư viện	Nhân viên Thư viện	Nhân viên Thư viện	75.000	75.000	75.000		75.000		Trúng tuyển

* Danh sách trên gồm 22 trường hợp!

Handwritten signature

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN



KẾT QUẢ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN HỌC MÔN NĂM 2023
ĐƠN VỊ: TRƯỜNG THCS TÂN XUÂN

(Kèm theo Quyết định số 4401/QĐ-UBND ngày 24 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

STT	Họ và Tên	Giới tính	Năm sinh	Dân tộc	Trình độ		Chức danh nghề nghiệp	Môn dự thi	Điểm kiểm tra sát hạch			Điểm ưu tiên	Tổng điểm (đã cộng điểm ưu tiên)	Thuộc đối tượng ưu tiên	Kết quả
					Chuyên môn	Chuyên ngành			Sát hạch 1	Sát hạch 2	Sát hạch 3				
1	Huỳnh Đăng Kim	Nữ	15/04/2000	Kinh	Đại học	Sư phạm Hóa học	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Hóa học	84.000	85.000	86.000		85.000		Trúng tuyển
2	Võ Thị Hoa	Nữ	10/09/1994	Kinh	Đại học	Sư phạm Hóa học	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Hóa học	Vắng						Không trúng tuyển
3	Lê Văn Trọng	Nam	28/01/1996	Kinh	Đại học	Sư phạm Hóa học	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Hóa học	Vắng						Không trúng tuyển
4	Hàng Thị Anh	Nữ	10/06/1991	Kinh	Thạc sĩ	Hoá hữu cơ, Cử nhân Sư phạm Hóa học	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Hóa học	Vắng						Không trúng tuyển
5	Hoàng Vũ Trọng	Nam	18/09/1987	Kinh	Thạc sĩ	Giáo dục thể chất; Cử nhân Giáo dục thể chất	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Thể dục	48.000	49.000	49.000		48.667		Không trúng tuyển
6	Lưu Lê Na	Nữ	28/11/1994	Chăm	Đại học	Sư phạm Mỹ thuật	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Mỹ thuật	85.000	85.000	83.000		84.333		Trúng tuyển
7	Bùi Tuyết Hằng	Nữ	30/08/1982	Kinh	Đại học	Ngữ văn	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Ngữ văn	42.000	44.000	43.000		43.000		Không trúng tuyển
8	Phạm Thị Cẩm Ly	Nữ	05/01/1997	Kinh	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Tiếng Anh	85.000	83.000	83.000		83.667		Trúng tuyển
9	Ngô Tấn Đạt	Nam	13/06/1990	Kinh	Đại học	Kỹ Sư Công nghệ thông tin	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Tin học	89.500	89.000	89.500		89.333		Trúng tuyển
10	Vương Ngọc Nhung	Nữ	07/05/1996	Kinh	Đại học	Sư phạm Toán học	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Toán	90.000	91.000	92.000		91.000		Trúng tuyển
11	Đoàn Thị Huyền	Nữ	28/02/1998	Kinh	Đại học	Sư phạm Toán học	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Toán	88.000	89.000	90.000		89.000		Trúng tuyển
12	Vũ Văn Bảy	Nam	05/09/1993	Nùng	Đại học	Sư phạm Toán học	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Toán	82.000	83.000	83.000	5.000	87.667	Dân tộc thiểu số	Không trúng tuyển

STT	Họ và Tên	Giới tính	Năm sinh	Dân tộc	Trình độ		Chức danh nghề nghiệp	Môn dự thi	Điểm kiểm tra sát hạch			Điểm ưu tiên	Tổng điểm (đã cộng điểm ưu tiên)	Thuộc đối tượng ưu tiên	Kết quả
					Chuyên môn	Chuyên ngành			Sát hạch 1	Sát hạch 2	Sát hạch 3				
13	Hoàng Thị Hương	Nữ	08/01/1998	Kinh	Đại học	Sư phạm Toán học	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Toán	85.000	86.000	85.000		85.333		Không trúng tuyển
14	Nguyễn Thị Hoài Thương	Nữ	01/01/1981	Kinh	Đại học	Toán học	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Toán	84.000	84.000	83.000		83.667		Không trúng tuyển
15	Lê Văn Thu	Nam	06/06/1976	Kinh	Đại học	Sư phạm Toán học	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Toán	Vắng						Không trúng tuyển
16	Nguyễn Thị Phương	Nữ	01/02/1991	Kinh	Đại học	Sư phạm Toán học	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Toán	Vắng						Không trúng tuyển
17	Nguyễn Phạm Thu Hà	Nữ	30/11/1996	Kinh	Đại học	Sư phạm Toán học	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Toán	Vắng						Không trúng tuyển
18	Hoàng Thị Minh Phụng	Nữ	20/04/1991	Kinh	Đại học	Toán tin	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Toán	Vắng						Không trúng tuyển
19	Nguyễn Khánh Dư	Nam	30/07/1998	Kinh	Đại học	Toán học	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Toán	Vắng						Không trúng tuyển
20	Nguyễn Thị Bình An	Nữ	07/09/2000	Kinh	Đại học	Sư phạm Toán học	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Toán	Vắng						Không trúng tuyển
21	Nguyễn Tấn Khải	Nam	07/01/1997	Kinh	Đại học	Sư phạm Vật lý	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Vật lý	86.500	85.000	85.500		85.667		Trúng tuyển
22	Dương Nhật Tú Uyên	Nữ	10/10/1993	Kinh	Đại học	Sư phạm Vật lý	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Vật lý	80.500	80.000	80.000		80.167		Không trúng tuyển

* Danh sách trên gồm 22 trường hợp.



ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN HỌC MÔN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



KẾT QUẢ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN HỌC MÔN NĂM 2023
ĐƠN VỊ: TRƯỜNG THCS XUÂN THỜI THƯỢNG
(Kèm theo Quyết định số 44/C1/QĐ-UBND ngày 24 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện)

STT	Họ và Tên	Giới tính	Năm sinh	Dân tộc	Trình độ		Chức danh nghề nghiệp	Môn dạy thì	Điểm kiểm tra sát hạch			Điểm ưu tiên	Tổng điểm (đã cộng điểm ưu tiên)	Thuộc đối tượng ưu tiên	Kết quả
					Chuyên môn	Chuyên ngành			Sát hạch 1	Sát hạch 2	Sát hạch 3				
1	Nguyễn Thị Bích Liên	Nữ	09/06/1995	Kinh	Dại học	Giáo dục chính trị	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Giáo dục công dân	47.000	48.000	48.000		47.667		Không trúng tuyển
2	Đặng Ngọc Tuấn	Nam	07/09/1999	Kinh	Dại học	Sư phạm Lịch sử	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Lịch sử	Vắng						Không trúng tuyển
3	Bùi Thị Hồng	Nữ	15/01/1997	Kinh	Dại học	Sư phạm Ngữ văn	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Ngữ văn	83.000	82.000	77.000		80.667		Trúng tuyển
4	Phạm Hùng	Nam	09/05/1996	Kinh	Dại học	Huấn luyện thể thao	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Thể dục	62.000	62.000	62.000		62.000		Trúng tuyển
5	Nguyễn Thị Bé Thu	Nữ	05/08/1993	Kinh	Dại học	Huấn luyện thể thao	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Thể dục	37.000	37.000	37.000		37.000		Không trúng tuyển
6	Phạm Duy Phước	Nam	14/03/1992	Kinh	Dại học	Huấn luyện thể thao	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Thể dục	Vắng						Không trúng tuyển
7	Hà Việt Hùng	Nữ	22/02/1994	Kinh	Thạc sĩ	Toán ứng dụng	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Toán	85.000	84.000	85.000		84.667		Trúng tuyển
8	Lê Văn Long	Nam	18/11/1990	Kinh	Dại học	Sư phạm Toán	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Toán	49.000	49.000	49.000		49.000		Không trúng tuyển
9	Mai Đức Giang	Nam	02/10/1995	Kinh	Dại học	Sư phạm Toán	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Toán	47.000	48.000	47.000		47.333		Không trúng tuyển
10	Lê Quốc Hợp	Nam	05/02/1988	Kinh	Dại học	Sư phạm Toán	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Toán	46.000	46.000	46.000		46.000		Không trúng tuyển
11	Trần Minh Đức	Nam	02/03/1992	Kinh	Dại học	Sư phạm Toán	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Toán	Vắng						Không trúng tuyển
12	Nguyễn Thị Cẩm Thu	Nữ	16/04/2000	Kinh	Dại học	Sư phạm Vật lý	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Vật lý	51.000	51.000	53.000		51.667		Trúng tuyển
13	Vũ Thị Nhi	Nữ	14/01/1995	Kinh	Dại học	Sư phạm Vật lý	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Vật lý	49.000	49.000	49.000		49.000		Không trúng tuyển
14	Mai Thié Doan	Nam	20/06/1996	Kinh	Dại học	Sư phạm Vật lý	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Vật lý	42.000	42.000	42.000		42.000		Không trúng tuyển

2																
STT	Họ và Tên	Giới tính	Năm sinh	Dân tộc	Trình độ		Chức danh nghề nghiệp	Môn dự thi	Điểm kiểm tra sát hạch			Điểm cộng điểm ưu tiên	Tổng điểm (đã cộng điểm ưu tiên)	Thuộc đối tượng ưu tiên	Kết quả	
					Chuyên môn	Chuyên ngành			Sát hạch 1	Sát hạch 2	Sát hạch 3					
15	Dương Thị Thanh	Trần	Nữ	10/08/1984	Chăm	Bại học	Sư phạm Vật lý	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Vật lý	Vắng						Không trúng tuyển

* Danh sách trên còn 15 người nữa

* Danh sách trên gồm 15 trường hợp.



